



TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TS. PHAN TRỌNG NAM
 Trưởng Đại học Đồng Tháp

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ cảm xúc (TTCX) bắt đầu được nghiên cứu chính thức từ những năm 90 của thế kỉ XX và thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Theo các nhà khoa học, TTCX là nhân tố dự đoán tốt sự thành công hay thất bại đối với những lĩnh vực công việc liên quan đến con người.

Khi nghiên cứu về TTCX của sinh viên Đại học Sư phạm (SVĐHSP) chúng tôi quan niệm: "TTCX của SVĐHSP là những năng lực của SVĐHSP về xúc cảm. Thể hiện ở khả năng nhận biết chính xác xúc cảm của bản thân và người khác; khả năng sử dụng xúc cảm để thúc đẩy tư duy; khả năng thấu hiểu nguyên nhân của xúc cảm; khả năng quản lí xúc cảm của bản thân và người khác trong các mối quan hệ giao tiếp tồn tại trong các loại hình hoạt động cơ bản của người SVĐHSP nhằm đạt được thành tích cao trong quá trình được đào tạo ở trường sư phạm".

Trong quá trình nghiên cứu về thực trạng TTCX của SVĐHSP chúng tôi đã sử dụng và xây dựng nhiều thang đo khác nhau để có thể đưa ra những nhận định khách quan, chính xác về TTCX của SVĐHSP trong giai đoạn hiện nay.

2. Cơ sở lí luận

2.1. Khách thể nghiên cứu

Phân bố khách thể nghiên cứu trực tiếp được thể hiện đầy đủ ở bảng 1.

Bảng 1. Phân bố khách thể nghiên cứu trực tiếp

Trường đào tạo	Năm đào tạo	Toán học	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	Tổng cộng
Đại học Sư phạm Hà Nội	1	28	20	42	90
	2	36	32	36	104
	3	29	30	26	85
	4	37	30	34	101
Đại học Sư phạm Huế	1	32	24	43	99
	2	51	45	40	136
	3	34	38	45	117
	4	44	29	41	114
Đại học Đồng Tháp	1	53	38	108	199
	2	39	39	37	115
	3	50	54	35	139
	4	44	33	32	109
Tổng cộng		477	412	519	1408

Khách thể gián tiếp là 261 giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy ở các ngành đào tạo Toán học, Ngữ văn và Giáo dục Mầm non của 3 trường đại học: trường

Đại học Sư phạm Hà Nội; trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế; trường Đại học Đồng Tháp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi đã sử dụng thang đo MSCEIT (Mayer Salovey Cauruso Emotional Intelligence Test: Mayer – Salovey - Caruso cảm xúc kiểm tra thông minh) để đo lường mức độ biểu hiện TTCX chung của SVĐHSP.

Để đo lường những biểu hiện cụ thể về TTCX của sinh viên (SV) trong quá trình được đào tạo ở trường sư phạm chúng tôi xây dựng hệ thống bài tập đo nghiệm. Hệ thống bài tập đo nghiệm được hợp bởi 4 tiểu thang đo: nhận thức xúc cảm; sử dụng xúc cảm; hiểu nguyên nhân xúc cảm; kiểm soát xúc cảm trong quá trình được đào tạo ở trường của SVĐHSP. Mỗi tiểu thang đo gồm có 15 câu hỏi. Mỗi câu hỏi có 4 phương án lựa chọn và được tính điểm theo nguyên tắc đồng ý [2].

Chúng tôi xây dựng một hệ thống bảng hỏi để SV tự đánh giá và giảng viên đánh giá về mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP. Hệ thống bảng hỏi gồm có 12 câu hỏi, bao gồm 4 tiểu thang đo: nhận thức xúc cảm; sử dụng xúc cảm; hiểu nguyên nhân xúc cảm; kiểm soát xúc cảm. Mỗi tiểu thang đo gồm có 3 câu hỏi. Mỗi câu hỏi được thiết kế để đo 3 mức độ cơ bản của TTCX: biểu hiện rõ; biểu hiện trung bình; biểu hiện chưa rõ. Thang đo tự đánh giá và đánh giá về TTCX của SVĐHSP được tính điểm như sau: biểu hiện rõ = 3 điểm; biểu hiện trung bình = 2 điểm; biểu hiện chưa rõ = 1 điểm.

Ngoài ra, chúng tôi còn thiết kế một hệ thống, gồm có 15 câu hỏi để tìm hiểu về các yếu tố có ảnh hưởng đến TTCX của SV. Mỗi câu hỏi đo 3 mức độ ảnh hưởng cơ bản đến TTCX của SV: ảnh hưởng nhiều; ảnh hưởng vừa phải; ít ảnh hưởng.

Mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP được đánh giá thông qua điểm số trắc nghiệm thu được từ các thang đo. Dựa vào điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (SD) từ kết quả thu được của các thang đo, TTCX của SVĐHSP được phân loại thành các mức độ như sau: mức độ rất cao: tương ứng với ĐTB + 2SD; mức độ cao: tương ứng với ĐTB + 1SD; mức độ trung bình: tương ứng với những SV có điểm từ trung bình cho đến dưới mức cao; mức độ thấp: tương ứng với ĐTB - 1SD; mức độ rất thấp: tương ứng với ĐTB - 2SD.

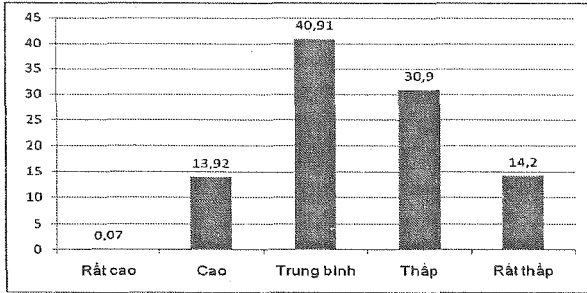
3. Kết quả nghiên cứu về mức độ biểu hiện trí tuệ cảm xúc của sinh viên Đại học Sư phạm

3.1. Mức độ biểu hiện trí tuệ cảm xúc của sinh viên Đại học Sư phạm qua thang đo MSCEIT

Kết quả đo lường mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP bằng thang đo MSCEIT cho thấy, SVĐHSP đã

đạt được ĐTB là 69,75 và SD là 4,47. Kết quả này cao hơn kết quả đo lường mức độ biểu hiện TTCX của 363 giáo viên tiểu học ở thời điểm năm 2006 [3]. Trong các năng lực TTCX thành phần của SVĐHSP được thể hiện qua thang đo MSCEIT thì năng lực kiểm soát xúc cảm là yếu nhất.

Biểu đồ 1. Mức độ TTCX chung của SVĐHSP qua thang đo MSCEIT



Kết quả phân loại mức độ TTCX của SVĐHSP qua thang đo MSCEIT được thể hiện ở biểu đồ 1.

Theo kết quả ở biểu đồ 1, mức độ TTCX của SVĐHSP qua thang đo MSCEIT vẫn còn thấp, có đến 45,1% SV có mức độ biểu hiện TTCX bị phân loại ở mức dưới trung bình.

Kết quả so sánh sự khác biệt về mức độ biểu hiện TTCX qua thang đo MSCEIT của SV theo năm đào tạo được thể hiện ở bảng 2.

Kết quả ở bảng 2 cho thấy có sự khác biệt về mức độ biểu hiện TTCX qua thang đo MSCEIT của SV theo năm đào tạo. Trong các năm đào tạo, SV năm thứ nhất có ĐTB lớn hơn so với các năm đào tạo còn lại. Kết quả này có thể do SV năm thứ nhất có ý thức làm trắc nghiệm tốt hơn so với các năm đào tạo còn lại và cũng có thể xuất phát từ thực tế SV năm thứ nhất đang ở giai đoạn đầu của sự hình thành tập thể, trong giai đoạn này các thành viên trong tập thể thường cố gắng tìm hiểu nhau để có những suy nghĩ và hành động chung, tạo sự đồng thuận trong tập thể.

Về kết quả so sánh sự khác biệt ĐTB giữa các ngành đào tạo trong thang đo MSCEIT, SV ngành Giáo dục Mầm non có ĐTB lớn hơn so với các ngành

đào tạo còn lại. Kết quả này là do đặc thù ngành Giáo dục Mầm non chỉ có toàn SV nữ nên trong việc lựa chọn các phương án trả lời trong các câu hỏi trắc nghiệm để có sự trùng hợp hơn so với SV các ngành đào tạo khác.

Kết quả so sánh sự khác biệt về ĐTB giữa các trường đào tạo trong thang đo MSCEIT cho thấy, SV trường Đại học Đồng Tháp có ĐTB lớn hơn so với các trường đào tạo còn lại. Kết quả này có thể do SV trường Đại học Đồng Tháp có ý thức làm trắc nghiệm tốt hơn và cũng có thể do SV của trường chủ yếu là con em của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đặc điểm này đã tạo nên sự tương đồng về văn hóa, phong tục, tập quán trong mỗi SV Trường Đại học Đồng Tháp. Chính sự tương đồng đó đã giúp họ lựa chọn các phương án trả lời trắc nghiệm giống nhau nhiều hơn.

Như vậy, có sự khác biệt giữa các năm đào tạo, các ngành đào tạo và giữa các trường đào tạo về mức độ biểu hiện TTCX qua thang đo MSCEIT.

3.2. Mức độ biểu hiện trí tuệ cảm xúc của sinh viên Đại học Sư phạm qua thang đo bài tập đo nghiệm

Kết quả đo lường mức độ biểu hiện TTCX bằng thang đo bài tập đo nghiệm chỉ ra rằng SVĐHSP đã đạt được ĐTB là 29,90 và SD là 4,31. Năng lực hiểu xúc cảm, kiểm soát xúc cảm là 2 năng lực yếu nhất trong các năng lực TTCX thành phần của SVĐHSP được biểu hiện qua thang đo bài tập đo nghiệm.

Kết quả phân loại mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP qua thang đo bài tập đo nghiệm thể hiện ở biểu đồ 2.

Căn cứ kết quả ở biểu đồ 2, mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP qua thang đo bài tập đo nghiệm được phân loại vào mức trung bình, cao hơn hẳn so với kết quả thu được từ thang đo MSCEIT. Tuy nhiên, tỉ lệ SV có mức độ biểu hiện TTCX qua thang đo bài tập đo nghiệm được phân loại từ mức cao trở lên thấp hơn hẳn so với tỉ lệ SV có mức độ TTCX được phân loại vào từ mức cao trở lên thu được từ thang đo MSCEIT. Thực tế này chỉ ra rằng, có nhiều SV có mức độ biểu hiện TTCX trong môi trường sư phạm chưa tương xứng với tiềm năng ban đầu của bản thân.

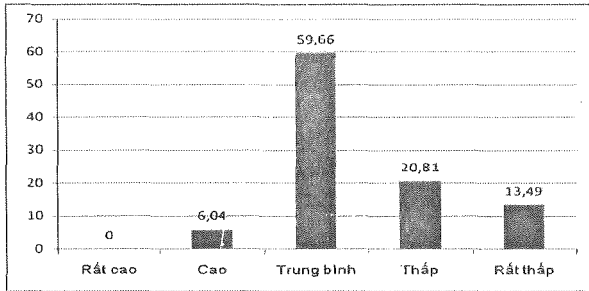
Bảng 2. Sự khác biệt về mức độ biểu hiện TTCX qua thang đo MSCEIT của SV theo năm đào tạo

TT	Năm	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4		Mức khác biệt
	Thang đo	ĐTB	SD	ĐTB	SD	ĐTB	SD	ĐTB	SD	
1	AE	19,81	1,98	19,28	2,12	19,19	2,08	18,84	2,08	,000
2	BF	15,57	2,03	15,26	1,89	14,62	2,41	14,78	2,43	,000
3	CG	25,22	0,63	25,18	0,65	25,04	0,63	25,06	0,66	,000
4	DH	10,60	1,03	10,25	1,00	10,10	1,12	10,01	1,06	,000
5	AEBF	35,38	3,41	34,54	3,14	33,74	3,76	33,62	3,81	,000
6	CGDH	35,82	1,30	35,43	1,25	35,14	1,39	35,07	1,34	,000
7	MSCEIT	71,20	4,22	69,96	3,83	68,88	4,69	68,68	4,70	,000

(Ghi chú: AE: Nhận biết cảm xúc; BF: Xúc cảm hóa ý nghĩ; CG: Hiểu biết xúc cảm; DH: Điều khiển, quản lí xúc cảm; AEBF: Trí thông minh trải nghiệm xúc cảm; CGDH: Trí thông minh chiến lược xúc cảm)



Biểu đồ 2. Mức độ biểu hiện TTCX của sinh viên



Kết quả so sánh sự khác biệt về ĐTB giữa các năm đào tạo trong thang đo bài tập đo nghiệm cho thấy trong các năm đào tạo, SV năm thứ hai có ĐTB lớn hơn so với các năm đào tạo còn lại. Thực tế này có thể giải thích là những SV năm thứ nhất và năm thứ 2 đang trong giai đoạn đầu của quá trình đào tạo, lí tưởng nghề nghiệp còn mạnh mẽ. Do vậy, khi được đặt trong tình huống giả định SV thường có xu hướng giải quyết tình huống theo chiều hướng tích cực hơn. Xét theo khía cạnh phát triển của tập thể SV, bắt đầu vào cuối năm thứ 3 đầu năm thứ 4 là giai đoạn cuối của sự phát triển tập thể SV nên sự cố kết giữa các thành viên trong tập thể bắt đầu giảm dần. Đến giai đoạn này SV thường có xu hướng không muốn bị ràng buộc bởi các nội quy, quy chế do tập thể đặt ra nữa. Như vậy, có thể nói rằng, mức độ phát triển TTCX của SV phụ thuộc đáng kể vào giai đoạn phát triển của tập thể mà SV đang tồn tại.

Kết quả so sánh sự khác biệt về mức độ biểu hiện TTCX qua thang đo bài tập đo nghiệm của SV theo ngành đào tạo được thể hiện ở bảng 3.

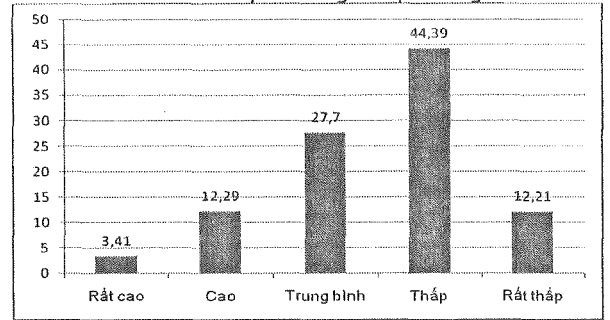
Kết quả so sánh sự khác biệt về ĐTB giữa các ngành đào tạo trong thang đo bài tập đo nghiệm cho thấy trong các ngành đào tạo, SV ngành Giáo dục Mầm non có ĐTB lớn hơn so với các ngành đào tạo còn lại. Lí giải điều này chúng tôi cho rằng, ngành Giáo dục Mầm non là một ngành đào tạo sư phạm có tính đặc thù. Ngoài ra, sự quan tâm của gia đình và xã hội dành cho ngành này hiện nay cũng nhiều hơn. Thực tế đó đã mở ra cơ hội việc làm cho SV ngành Giáo dục Mầm non hiện nay nhiều hơn các ngành đào tạo khác. Đây chính là động lực giúp SV của ngành tích cực rèn luyện bản thân mình nhiều hơn so với SV các ngành đào tạo khác.

Kết quả so sánh sự khác biệt về ĐTB giữa các trường đào tạo trong thang đo bài tập đo nghiệm chỉ ra rằng trong các trường đào tạo, SV trường Đại học Đồng Tháp có ĐTB lớn hơn so với các trường đào tạo còn lại. Điều đó hoàn toàn phù hợp với kết quả thu được từ thang đo MSCEIT. Sở dĩ SV trường Đại học Đồng Tháp có thể đạt được thành tích cao trong thang đo này là do họ có sự tương đồng về văn hóa, phong tục, tập quán hơn SV các trường đào tạo khác. Hơn nữa, cơ hội được làm việc theo chuyên ngành đào tạo của SV trường Đại học Đồng Tháp cũng nhiều hơn SV các trường khác. Chính điều kiện này đã làm cho SV của trường quan tâm và dễ dàng giải quyết các bài tập trong thang đo bài tập đo nghiệm.

3.3. Mức độ biểu hiện trí tuệ cảm xúc của sinh viên Đại học Sư phạm qua thang đo tự đánh giá dành cho sinh viên và thang đo đánh giá dành cho giảng viên

3.3.1. Mức độ biểu hiện trí tuệ cảm xúc qua thang đo tự đánh giá dành cho sinh viên Đại học Sư phạm

Biểu đồ 3. Mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP qua thang đo tự đánh giá



Kết quả đo lường mức độ biểu hiện TTCX qua thang đo tự đánh giá của SVĐHSP cho thấy, SVĐHSP đã đạt ĐTB là 26,09 và SD là 3,32. Năng lực kiểm soát xúc cảm và năng lực hiểu xúc cảm là 2 năng lực được SV đánh giá yếu nhất trong các năng lực TTCX thành phần của SVĐHSP qua thang đo tự đánh giá.

Kết quả phân loại mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP qua thang đo tự đánh giá thể hiện ở biểu đồ 3.

Kết quả ở biểu đồ 3 cho thấy tỉ lệ SV có mức độ biểu hiện TTCX được phân loại từ mức rất cao trong thang đo tự đánh giá cao hơn hẳn so với thang đo MSCEIT và thang đo bài tập đo nghiệm. Tuy nhiên, tỉ lệ SV có mức độ biểu hiện TTCX bị phân loại vào mức dưới trung bình

Bảng 3. Sự khác biệt về mức độ biểu hiện TTCX của SV qua thang đo bài tập đo nghiệm theo ngành đào tạo

TT	Ngành	Toán học		Ngữ văn		Giáo dục Mầm non		Mức khác biệt
		ĐTB	SD	ĐTB	SD	ĐTB	SD	
1	Nhận thức	8,57	1,43	8,51	1,62	8,76	1,41	,024
2	Sử dụng	7,35	1,29	7,50	1,32	7,61	1,12	,003
3	Hiểu	6,77	1,14	6,69	1,17	6,84	1,09	,130
4	Kiểm soát	6,83	1,50	7,01	1,45	7,19	1,31	,000
5	Bài tập đo nghiệm	29,52	4,35	29,71	4,62	30,40	3,95	,003

lại cao hơn hẳn các thang đo khác. Kết quả này có phần khác với kết quả thu được từ thang đo MSCEIT và thang đo bài tập đo nghiệm. Thực tế này chỉ ra rằng, có một số SV chưa đánh giá chính xác về năng lực thực tế trong TTCX của bản thân.

Theo kết quả so sánh sự khác biệt về mức độ biểu hiện TTCX qua thang đo tự đánh giá, không có sự khác biệt về mức độ biểu hiện TTCX qua thang đo tự đánh giá của SV theo năm đào tạo.

SV ngành Ngữ văn có ĐTB lớn hơn so với các ngành đào tạo còn lại. Điều này khẳng định rằng SV ngành Ngữ văn rất lạc quan khi đánh giá về TTCX của bản thân. Tuy nhiên, qua thang đo MSCEIT và thang đo bài tập đo nghiệm thì SV ngành Ngữ văn chưa đạt được ĐTB cao nhất.

Kết quả so sánh sự khác biệt về mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP qua thang đo tự đánh giá theo trường đào tạo được thể hiện ở bảng 4.

Kết quả ở bảng 4 cho thấy, SV trường ĐHSP Hà Nội có ĐTB lớn hơn so với các trường đào tạo còn lại. Kết quả này chứng tỏ có một số SV của trường rất tự tin trong việc đánh giá năng lực TTCX của bản thân. Thực tế này cho thấy, trong xu thế hội nhập thì SV trường ĐHSP Hà Nội sẽ có khả năng thích ứng nhanh hơn so với SV các trường khác.

3.3.2. Mức độ biểu hiện trí tuệ cảm xúc của SVĐHSP theo đánh giá của giảng viên các trường đại học

Mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP theo đánh giá của giảng viên có ĐTB là 28,65 và SD là 3,10. Kết quả này hoàn toàn khác với kết quả tự đánh giá của SVĐHSP. Tuy nhiên, theo đánh giá của giảng viên về mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP, năng lực kiểm soát xúc cảm được đánh giá là năng lực yếu nhất, kế đến là năng lực hiểu xúc cảm. Như vậy, kết quả này hoàn toàn phù hợp với kết quả tự đánh giá của SVĐHSP về mức độ biểu hiện TTCX của bản thân trong các hoạt động ở trường sư phạm.

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ trí tuệ cảm xúc của sinh viên Đại học Sư phạm

Trong các yếu tố ảnh hưởng đến TTCX của SVĐHSP, ba yếu tố chủ quan sau đây được sinh viên đánh giá có ảnh hưởng nhiều nhất đối với TTCX của bản thân: nhu cầu nâng cao TTCX của bản thân; nhu cầu vận dụng TTCX vào trong quá trình học tập và nghề nghiệp sau

này; tính tích cực học tập và rèn luyện để nâng cao TTCX cho bản thân. Tuy nhiên, bên cạnh đó thì yếu tố “tính tích cực khi tham gia các loại hình hoạt động khác nhau trong quá trình học tập ở trường sư phạm” lại chưa được SV đánh giá đúng mức.

Thuộc về yếu tố khách quan, bốn yếu tố sau đây được sinh viên đánh giá có ảnh hưởng nhiều nhất đối với TTCX của bản thân: khả năng đọc, hiểu xúc cảm của bản thân và những người xung quanh từ phía gia đình; cách ứng xử phù hợp với cảm xúc của bản thân và những người xung quanh từ phía gia đình; những nội dung học tập trong quá trình đào tạo ở trường sư phạm; các quy định về chuẩn mực hành vi đối với SV sư phạm do nhà trường đặt ra. Tuy nhiên, theo chúng tôi có hai yếu tố có ảnh hưởng đến mức độ TTCX của SVĐHSP nhưng chưa được SV đánh giá đúng mức đó là: khả năng đọc hiểu, điều khiển cảm xúc của bản thân và người khác từ phía giáo viên; cách ứng xử phù hợp với cảm xúc của bản thân và những người xung quanh từ phía giáo viên chưa được SV đánh giá đúng mức. Ở trường đại học các thầy cô giáo là tấm gương sáng để SV học tập và noi theo. Các thầy/cô giáo không chỉ dạy cho các em học để làm nghề mà còn dạy cho các em biết cách làm người. Vì vậy, SVĐHSP cần phải nhận thấy vai trò của thầy/cô giáo đối với sự hình thành TTCX của bản thân.

3.5. Đánh giá chung về trí tuệ cảm xúc của sinh viên Đại học Sư phạm

Mức độ TTCX của SVĐHSP chưa cao, một nửa SV có mức độ TTCX đạt từ mức trung bình trở lên.

Trong các năng lực thành phần TTCX của SVĐHSP được thể hiện qua các thang đo thì năng lực hiểu xúc cảm và kiểm soát xúc cảm là những năng lực thành phần yếu nhất của SV.

Có sự khác biệt về mức độ TTCX chung, mức độ biểu hiện TTCX trong các hoạt động ở trường sư phạm cũng như khả năng tự đánh giá về TTCX của SV về TTCX giữa các năm đào tạo, ngành đào tạo và giữa các trường đào tạo. Trong các ngành đào tạo, SV ngành Giáo dục Mầm non có mức độ biểu hiện TTCX tốt hơn so với các ngành đào tạo còn lại. Kết quả này một phần là do chương trình đào tạo của ngành có khác với các ngành đào tạo còn lại. Điều đó đã cho thấy sự ảnh hưởng của nội dung chương trình đào tạo đến TTCX của SVĐHSP.

Bảng 4. Sự khác biệt về mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP qua thang đo tự đánh giá theo trường đào tạo

TT	Trường	ĐHSP Hà Nội		ĐHSP Huế		Đại học Đồng Tháp		Mức khác biệt
	Thang đo	ĐTB	SD	ĐTB	SD	ĐTB	SD	
1	Nhận thức	6,84	1,19	6,55	1,13	6,85	1,19	,000
2	Sử dụng	6,88	1,38	6,63	1,37	6,86	1,42	,011
3	Hiểu	6,37	1,30	6,30	1,23	6,44	1,28	,198
4	Kiểm soát	6,28	1,23	6,14	1,16	6,14	1,27	,165
5	Tự đánh giá	26,37	3,42	25,61	3,18	26,29	3,32	,001



4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng mức độ biểu hiện TTCX của SVĐHSP hiện nay chưa cao. Có nhiều SVĐHSP chưa có khả năng đánh giá chính xác mức độ TTCX của bản thân. Trong các năng lực TTCX thành phần của SVĐHSP thì năng lực hiểu xúc cảm và năng lực kiểm soát xúc cảm là 2 năng lực yếu nhất.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mức độ TTCX của SVĐHSP. Trong các yếu tố khách quan có ảnh hưởng đến mức độ TTCX của SVĐHSP thì nội dung chương trình đào tạo là yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất. Yếu tố thuộc về chủ thể SV và có tính quyết định đối việc nâng cao mức độ TTCX của SVĐHSP chính là nhu cầu và tính tích cực luyện tập.

Để nâng cao mức độ TTCX cho bản thân góp phần đạt thành tích cao trong quá trình học tập và nghề nghiệp sau này, mỗi SVĐHSP cần phải hiểu rõ hơn nữa đặc thù nghề nghiệp của bản thân trong tương lai, để từ đó tích cực hơn trong việc luyện tập nâng cao mức độ TTCX cho bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Kiều (Chủ biên), *Trí tuệ và đo lường trí tuệ*, NXB Chính trị Quốc gia, 2005.
2. Phan Trọng Nam, *Xây dựng trắc nghiệm trí tuệ cảm xúc dành cho sinh viên Đại học Sư phạm*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt 11/2009.
3. Dương Thị Hoàng Yến, *Trí tuệ cảm xúc của giáo viên tiểu học*, Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Viện Tâm lí học – Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2010.

SUMMARY

The survey among 1408 first year to fourth year students of Educational College in 3 majors of mathematics, literature and pre-school education shows that more than half of students have average or higher emotional intelligence level. In the educational sector, students in Early Childhood Education have the expression level of emotional intelligence better than those in the other majors. The results of this study will be useful suggestions for teaching content in College of Education, in order to improve the training quality of institutions in charge of training teachers.

XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC... (Tiếp theo trang 29)

Trong lời giải 1: $A = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 4 \\ x = 2,5 \end{cases}$ không thể xảy ra.

Trong lời giải 2: Ta chỉ mới xét $x \geq 4$ còn các trường hợp khác chưa được xem xét ở đây.

Từ các tình huống dạy học có chứa những sai lầm như thế sẽ giúp học sinh thực hiện các phép biến đổi thông tin một cách thành thạo và chính xác hơn đồng thời qua đó cũng hình thành cho học sinh tư duy phê phán một trong những thành phần quan trọng của tư duy toán học.

Kết luận

Từ một số tình huống dạy học trên trong quá trình dạy học môn Toán ở trường phổ thông, để góp phần bồi dưỡng năng lực BĐTT, người giáo viên cần quan tâm đến các hoạt động giúp học sinh biết huy động các kiến thức có liên quan phù hợp đến tri thức, xem xét từ việc xác lập được các mối quan hệ giữa các kiến thức cần khám phá và kiến thức đã biết, mối quan hệ giữa các đối tượng toán học liên quan đến vấn đề xem xét... Bên cạnh đó, người giáo viên cần biết đầu tư đúng mức việc dạy cho học sinh nhìn nhận vấn đề dưới nhiều góc độ, nhiều khía cạnh cũng như giải quyết một vấn đề theo nhiều hướng, bằng nhiều cách khác nhau. Đồng thời, người giáo viên cũng cần thường xuyên hướng dẫn học sinh thực hiện có hiệu quả việc chuyển hóa các liên tưởng thông qua các bước gợi động cơ như quy lạ về quen, xét tương tự, khái quát hóa hay chuyển đổi qua nhiều ngôn ngữ khác nhau.... Có như vậy thì sẽ góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả dạy học Toán ở trường phổ thông hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Bá Kim, *Phương pháp dạy học môn Toán*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006.
2. V.A.Kruchetxki, *Tâm lí năng lực toán học của học sinh*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1973.
3. G.Pôlia, *Giải một bài toán như thế nào*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
4. Đào Tam (Chủ biên), Lê Hiến Dương, *Tiếp cận các phương pháp dạy học không truyền thống trong dạy học Toán ở trường đại học và trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008.
5. Đào Tam, *Rèn luyện năng lực tổ chức tri thức tiến hành các hoạt động chiếm lĩnh tri thức trong dạy học Toán ở trường phổ thông cho sinh viên sư phạm ngành Toán*, Tạp chí Giáo dục, Kì 1-2/2009.

SUMMARY

The article refers to building and organizing a number of Maths teaching and learning situations in order to build the capacity of transforming information for students such as: 1/ situation in which students discover and solve problems that contain contradictions, difficulties and imbalances; 2/ situation in which form of expressing issues obscure mathematical content needed to discover; 3 / teaching situation where knowledge and method is not sufficient to solve the problem posed; 4 / teaching situation which use many forms to exploit, to change various information; 5/ teaching situation which helps students realize the current issue and correct mistakes when solving math problems.